

Bản án số: 21/2024/HS-ST

Ngày 25-4-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Độ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Băng và ông Hoàng Quốc Tuấn

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N; tên gọi khác: Không, sinh ngày 18/03/1991 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn lớp: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Quyết T, sinh năm 1965 và con bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968; có vợ là Vũ Thị Thùy L, sinh năm 1989 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Giàng A N1, sinh ngày 20/3/2006; địa chỉ: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2. Anh Ngô Huy T2, sinh năm 2000; nơi thường trú: Tổ A, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nơi ở: Tổ D, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

3. Anh Vũ Hoàng Tuấn C, sinh năm 2005; địa chỉ: Tổ F, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn C, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

5. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

6. Anh Phạm Trường G, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ B, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

7. Anh Đặng Thế A, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

8. Anh Đỗ Viết H1, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn G, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

9. Anh Nguyễn Quang T3, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ E, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

10. Anh Nguyễn Mạnh H2, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ A, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8 năm 2023, N đã nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính tại nhà ở thuộc tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; đến ngày 08 tháng 01 năm 2024 thì bị phát hiện, cụ thể Nguyễn Văn N đã cho 10 người vay như sau:

1. Ngày 04/08/2023 anh Giàng A N1 đến nhà N hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng, N đồng ý cho vay với lãi suất 6.711đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 244%/năm, gấp 12,2 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Thời hạn cho vay không kỳ hạn, khi vay tiền anh N1 phải viết giấy bán xe mô tô Honda Wave màu đen, BKS: 21K1 - 573.08 cho N, một tháng N phải trả tiền lãi cho N một lần số tiền là 2.000.000đồng/tháng. Anh N1 đã trả cho N được 05 lần tiền lãi là 10.000.000đồng, còn nợ lại 10.000.000đồng tiền gốc chưa trả. Từ ngày 04-8-2023 đến ngày 30/12/2023 là 149 ngày số tiền thực tế thu lợi bất chính là: 9.183.562đồng. Theo thỏa thuận cho vay giữa N và anh N1 thì từ ngày 04/8/2023 đến ngày 08/01/2024 (ngày N bị phát hiện) là 158 ngày, N thu được tổng số tiền lãi là 10.603.000đồng với lãi suất 6.711đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 244%/năm, gấp 12.2 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền thu lợi bất chính xác định truy cứu trách nhiệm hình sự là: 9.737.247đồng.

2. Cho anh Ngô Huy T2 vay tiền của N 02 lần cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 11/09/2023, anh T2 điều khiển xe mô tô đến nhà N hỏi vay của N số tiền 10.000.000đồng và trả luôn trong ngày, N đồng ý cho vay với lãi suất 50.000đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 1825,0%/năm, gấp 91,3 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. N yêu cầu anh T2 viết giấy bán xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision của anh T2 BKS: 21BA - 112.91 để bảo đảm N sử dụng số tài khoản: 3639639699999 (Ngân hàng Q1) của N chuyển vào số tài khoản 19031992719013 (Ngân hàng T6) của anh T2 10.000.000đồng. Đến chiều tối cùng ngày anh T2 đã chuyển khoản trả cho N tiền gốc là 10.000.000đồng

và tiền lãi là 500.000đồng rồi lấy xe mô tô cùng giấy tờ về, số tiền thu lời bất chính của N là: 494.520đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 08/11/2023 N cho anh T2 vay số tiền 15.000.000đồng, thời hạn cho vay là 10 ngày với lãi suất 6.700đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 243,3%/năm, gấp 12,2 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Anh T2 phải viết giấy bán xe mô tô BKS 21BA - 112.91 cho N đến ngày 17/11/2023 (tính từ ngày 08/11/2023 là 10 ngày) anh T2 trả cho N số tiền 16.000.000 đồng, trong đó 15.000.000đồng tiền gốc và 1.000.000đồng tiền lãi, số tiền thu lời bất chính của N là: 917.808đồng. Vậy tổng số tiền thu lời bất chính xác định truy cứu trách nhiệm hình sự là: 1.412.329đồng

3. Cho anh Vũ Hoàng T4 C vay một lần vào ngày 30/10/2023, số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn cho vay không kỳ hạn, lãi suất vay là 6.048đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng với 220%/năm, gấp 11 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Anh C phải viết giấy bán chiếc xe mô tô BKS: 21B1 - 717.40 nhãn hiệu Honda SH màu trắng cho N và thỏa thuận cứ 15 ngày thì anh C phải trả lãi một lần là 3.000.000đồng. Khi cho anh C vay tiền, N đã trừ tiền lãi 3.000.000đồng vào số tiền gốc 40.000.000đồng, N chuyển cho C số tiền 37.000.000đồng, đến ngày 30-12-2023 (tính từ ngày 30-10-2023 là 62 ngày) C đã trả cho N 05 lần tiền lãi là 15.000.000đồng còn nợ lại 40.000.000đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính thực tế N nhận được là: 13.641.096 đồng. Theo thỏa thuận giữa N và anh C thì từ ngày 30/10/2023 đến ngày 08/01/2024 (ngày bị phát hiện) là 71 ngày, N sẽ thu tổng số tiền lãi là: 17.176.000đồng với lãi suất 6.048đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 220%/năm, gấp 11 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền thu lời bất chính xác định truy cứu trách nhiệm hình sự là: 15.619.836đồng.

4. Cho anh Nguyễn Quang H vay một lần vào ngày 23/10/2023 số tiền 10.000.000đồng, thời hạn cho vay không kỳ hạn với lãi suất là 3.871đồng/1triệu/1ngày, tương ứng với 142%/năm, gấp 7,1 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, một tháng anh H phải trả tiền lãi cho N một lần, mỗi lần là 1.200.000đồng, anh H đã viết giấy bán xe mô tô BKS: 21B1 - 835.79 cho N, sau đó N chuyển tiền 10.000.000đồng từ tài khoản số 3639639699999 của N đến tài khoản số 3710750637 của anh H, đến ngày 23/12/2023 (tính từ ngày 23/10/2023 là 62 ngày) anh H đã trả cho N được 02 lần tiền lãi là 2.400.000đồng, còn nợ lại tiền gốc chưa trả, số tiền thu lời bất chính thực tế N nhận được là: 2.060.274đồng, theo thỏa thuận giữa N và anh H thì từ ngày 23/10/2023 đến ngày 08/01/2024 (ngày N bị phát hiện) là 78 ngày, N sẽ thu tổng số tiền lãi là: 3.019.000đồng với lãi suất 3.871đồng/1triệu/1ngày, tương ứng với 142%/năm, gấp 7,1 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền thu lời bất chính xác định truy cứu trách nhiệm hình sự là: 2.591.603 đồng.

5. Cho anh Nguyễn Văn S vay một lần vào ngày 12/10/2023 số tiền 20.000.000đồng, Thời hạn cho vay là không kỳ hạn, lãi suất cho vay là 4.839đồng/1triệu/1ngày, tương ứng với 176%/năm, gấp 8,8 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, hàng tháng anh S phải trả tiền lãi cho N một lần, mỗi lần là 3.000.000 đồng. N yêu cầu anh S viết giấy bán chiếc xe mô tô

Honda Vision BKS: 21B2 - 275.37 cho N, đến ngày 12/12/2023 (ngày kể từ ngày 12-10-2023 là 62 ngày), S đã trả cho N được 02 lần tiền lãi là 6.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc chưa trả, số tiền thu lời bất chính thực tế N nhận được là: 5.320.548 đồng. Theo thỏa thuận giữa N và S thì từ ngày 12/10/2023 đến ngày 08/01/2024 (ngày N bị phát hiện) là 89 ngày N sẽ thu tổng số tiền lãi là: 8.700.000 đồng với lãi suất 4.839đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 176%/năm, gấp 8,8 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền thu lời bất chính xác định truy cứu trách nhiệm hình sự là: 7.637.658 đồng.

6. Cho anh Đặng Thế A vay một lần vào ngày 10-9-2023 số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 01 tháng, lãi suất vay là 3.200đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 117,7%/năm, gấp 5,9 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Khi cho vay anh A phải thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS: 21F1 - 215.62 cho N. Đến ngày 10-10-2023 (kể từ ngày 10-9-2023 là 31 ngày), anh A đến nhà trả cho N tiền lãi là 1.000.000đồng và 10.000.000đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là: 830.137đồng.

7. Cho anh Nguyễn Quang T3 vay một lần vào ngày 05/9/2023 số tiền 6.000.000đồng, thời hạn cho vay là 10 ngày, lãi suất vay là 4.500đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 165.9%/năm, gấp 8,3 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Anh T3 phải viết giấy bán xe mô tô Airblade BKS: 21B2 - 103.34 cho N đến ngày 15-9-2024 (kể từ ngày 05-9-2023 là 11 ngày) anh T3 đến nhà N trả số tiền lãi là 300.000đồng và 6.000.000đồng tiền gốc cho N, số tiền thu lời bất chính là: 263.836đồng.

8. Cho anh Đỗ Viết H1 vay một lần vào ngày 15/09/2023 số tiền 10.200.000đồng, thời hạn cho vay là 01 tháng, lãi suất vay là 3.800đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 137,6%/năm, gấp 6,9 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. N yêu cầu anh H1 phải viết giấy bán xe mô tô Honda Wave BKS 21B2 - 192.00 để bảo đảm khoản vay đến ngày 10/10/2023 (kể từ ngày 15-9-2023 là 26 ngày), anh H1 đến nhà N trả 1.000.000đồng tiền lãi và trả 10.200.000đồng tiền gốc, số tiền thu lời bất chính là: 854.685đồng.

9. Cho anh Phạm Trường G vay 02 lần cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 01/9/2023 N cho anh G vay số tiền 8.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 30 ngày, lãi suất vay là 2.900đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 106%/năm, gấp 5,3 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Khi cho anh G vay tiền, do quen biết từ trước nên N không yêu cầu viết giấy bán xe mà chỉ yêu cầu G để lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 30Y4 - 6566 cùng giấy tờ xe cho N đến ngày 01-10-2023 (tính từ ngày 01-9-2023 là 31 ngày) G đã trả cho N đủ tiền gốc 8.000.000đồng và tiền lãi là 720.000đồng, số tiền thu lời bất chính thực tế Ngọc thu được là: 584.110đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 04/01/2024 N cho G vay số tiền 8.000.000đồng, thời hạn cho vay là 30 ngày, thỏa thuận mức lãi vay là 3.000đồng/1 triệu/1 ngày, đối với khoản vay này anh G chưa kịp trả lãi + gốc cho N thì hành vi phạm tội bị phát hiện, theo thỏa thuận giữa N và G thì từ ngày 04/01/2024 đến ngày 08/01/2024 (ngày N bị phát hiện là 05 ngày), N sẽ thu tổng số tiền lãi là: 120.000 đồng với lãi suất 3.000đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 110%/năm, gấp 5,5 lần so với mức

cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, số tiền thu lời bất chính xác định truy cứu trách nhiệm hình sự là: 98.082đồng.

10. Cho anh Nguyễn Mạnh H2 vay một lần vào ngày 19-9-2023 số tiền 5.000.000đồng, thời hạn cho vay là 10 ngày, lãi suất vay là 5.400đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với 199%/năm, gấp 10,0 lần so với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Khi cho anh H2 vay tiền, N yêu cầu anh H2 viết giấy bán xe và để lại xe mô tô BKS: 21B2 - 325.17 nhãn hiệu Honda Wave cho N đến ngày 29-9-2023 (tính từ ngày 19-9-2023 là 11 ngày) anh H2 đến nhà N trả lãi 300.000đồng và tiền gốc 5.000.000đồng. Số tiền thu lời bất chính là: 269.863đồng.

Như vậy: Từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024 Nguyễn Văn N đã cho 10 người vay tiền với lãi suất cao, đều vượt quá 05 (năm) lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, số tiền thực tế N đã thu lời bất chính là 34.420.440đồng. Đối với khoản vay của N1, H, C, S và G chưa đến hạn phải thanh toán thì hành vi phạm tội của N bị phát hiện. Do đó, số tiền thu lời bất chính để xác định trách nhiệm hình sự của N là 39.899.386đồng.

Ngày 08/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Y thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của N, tại tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

* Tài sản, đồ vật, tài liệu thu giữ:

- 01 tập giấy bán xe gồm 09 tờ; 01 quyển sổ bìa màu hồng có chữ “Sổ xe 2023”; 07 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy; 06 chùm chìa khóa.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu Iphone8 plus, đã qua sử dụng, số IMEI: 352982092060832, lắp sim số thuê bao 0965.433.123.

- 06 xe mô tô các loại gồm có các Biển kiểm soát: 21B1 - 835.79; 21B1 - 074.12; 30Y4 - 6566; 21D1 - 229.34; 21K1 - 537.08; 21B1 - 717.40.

* Quá trình Điều tra, cơ quan điều tra thu giữ những tài liệu, đồ vật sau:

- 01 xe mô tô BKS: 21B2 - 275.37 kèm theo chìa khóa xe do ông Nguyễn Quyết T tự nguyện giao nộp.

- Những người sau đây đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra tiền gốc đã vay của Nguyễn Văn N, tổng cộng là 46.600.000đồng gồm: Anh Vũ Hoàng Tuấn C nộp số tiền 25.000.000đồng, anh Nguyễn Văn S nộp số tiền 14.000.000đồng, anh Nguyễn Quang H nộp số tiền 7.600.000đồng.

Bản Cáo trạng số 24/CT-VKS-TP ngày 18-3-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố Nguyễn Văn N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo: từ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đến 90.000.000đồng (chín mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng, tài sản thu giữ và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động; 64.200.000đồng (Tiền gốc của những người vay đã trả N) và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được của người vay là 3.799.560đồng.

- Tịch thu số tiền gốc mà những người vay đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra là 46.600.000đồng (trong đó: Vũ Hoàng Tuấn C: 25.000.000đồng, Nguyễn Văn S: 14.000.000 đồng, Nguyễn Quang H: 7.600.000đồng).

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc người vay chưa trả cho bị cáo sau khi đã trừ đi số tiền mà những người vay đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra với tổng số tiền phải tịch thu là: 41.400.000 đồng, gồm: Anh Vũ Hoàng Tuấn C: 15.000.000đồng, anh Nguyễn Quang H: 2.4000.000đồng, anh Nguyễn Văn S: 6.000.000đồng, anh Giàng A N1: 10.000.000đồng, anh Phạm Trường G: 8.000.000đồng.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính bị cáo thu được của 10 người với số tiền: 34.420.440đồng buộc bị cáo trả lại cho anh Giàng A N1: 9.183.562đồng, anh Ngô Huy T2: 1.412.329đồng, anh Vũ Hoàng Tuấn C: 13.641.096đồng, anh Nguyễn Quang H: 2.060.274đồng, anh Nguyễn Văn S: 5.320.548đồng, anh Đặng Thế A: 830.137đồng, anh Nguyễn Quang T3: 263.836đồng, anh Đỗ Viết H1: 854.685đồng, anh Phạm Trường G: 584.110đồng; anh Nguyễn Mạnh H2: 269.863đồng;

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai báo thành khẩn, nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Y, tỉnh Yên Bái, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, anh N1, anh C, anh H, anh T3, anh G, anh H1, anh H2, anh A đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; anh T2, anh S vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án đã có đủ lời khai của họ, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và vật chứng của vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024, tại nhà ở tổ A, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái Nguyễn Văn N đã cho nhiều người vay tiền lãi suất tương ứng từ 106%/01 năm đến 1824%/01 năm (gấp từ 5,3 lần đến 91,3 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự). Số tiền N thu lời bất chính là 33.220.440 đồng. Hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Văn N thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức để điều chỉnh mọi hoạt động của bản thân nhưng vì muốn kiếm tiền bất chính, bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn N là người không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là vì lợi nhuận nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng, đồ vật tài sản thu giữ và các biện pháp tư pháp:

- Xác định tài sản là xe mô tô bị thu giữ không sử dụng vào mục đích phạm tội hoặc không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N, Cơ quan điều tra đã trả lại cho những người sau đây là phù hợp:

1. Trả cho anh Nguyễn Quang H gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu đen bạc BKS 21B1- 835.79, một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Nguyễn Quang H, một chìa khóa xe mô tô BKS 21B1- 835.79.

2. Trả cho anh Giàng A N1 gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave BKS 21K1- 537.08, một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Nguyễn Duy L1 và một chìa khóa xe mô tô BKS 21B1- 537.08.

3. Trả cho anh Vũ Hoàng Tuấn C gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH màu trắng đen BKS 21B1- 717.40, một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô gắn máy mang tên Nguyễn Văn T5, một chìa khóa xe mô tô BKS 21B1- 717.40.

4. Trả cho anh Nguyễn Văn S gồm: 01 xe mô tô HONDA VISION BKS 21B2-275.37, một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Nguyễn Văn S, một chìa khóa xe mô tô BKS 21B1- 275.37.

5. Trả cho anh Phạm Trường G gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblare màu đen bạc BKS 30Y4- 6566, một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Tạ Như Q, một chìa khóa xe mô tô BKS 30Y4- 6566.

6. Trả cho bị cáo Nguyễn Văn N gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu đen BKS 21D1- 229-34, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Trần Thị M, 01 chìa khóa xe mô tô BKS 21D1- 229-34; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMHA EXCITER màu trắng đen đỏ BKS 21B1-074.12, 01 giấy chứng nhận mang tên Hoàng Quang V, 01 chìa khóa xe mô tô BKS 21B1-074.12.

- Đối với chiếc điện thoại di động Iphone của Nguyễn Văn N lắp sim số 0965.433.123 do liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Tổng số tiền 152.200.000đồng tiền gốc mà bị cáo cho những người vay đã trả và chưa trả cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước như sau:

+ Tịch thu số tiền gốc của N cho những những vay mà họ đã tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra là 46.600.000đồng trong đó: Anh C nộp 25.000.000đồng, anh H 7.600.000đồng, anh S 14.000.000đồng.

+ Tịch thu 64.200.000đồng tiền gốc của bị cáo cho những người vay mà họ đã trả cho bị cáo gồm: Anh Ngô Huy T2 trả 25.000.000đồng, anh Nguyễn Thế A1 trả 10.000.000đồng, anh Nguyễn Quang T3 trả 6.000.000đồng, anh Ngô Duy H3 trả 10.200.000đồng, anh Phạm Trường G trả 8.000.000đồng, anh Nguyễn Mạnh H2 trả 5.000.000đồng.

+ Tịch thu 41.000.000đồng tiền gốc từ những người vay chưa trả cho bị cáo gồm có: Anh N1 10.000.000đồng; anh G 8.000.000đồng, anh C 15.000.000đồng, anh H 2.400.000đồng, anh S 6.000.000đồng;

- Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được của những người vay là 3.799.560đồng cần tịch thu để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thu được của những người vay là 34.420.440đồng (làm tròn = 34.420.000đồng) cần buộc bị cáo phải trả lại cho: Anh Giàng A N1: 9.183.562 đồng (làm tròn = 9.183.000đ); anh Ngô Huy T2: 1.412.329đồng (làm tròn = 1.412.000đồng); anh Vũ Hoàng Tuấn C: 13.641.096 đồng (làm tròn = 13.641.000 đồng); anh Nguyễn Quang H: 2.060.274 đồng (làm

tròn = 2.060.000đồng); anh Nguyễn Văn S: 5.320.548 đồng (làm tròn = 5.321.000đồng); anh Đặng Thế A: 830.137 đồng (làm tròn = 830.000đồng); anh Nguyễn Quang T3: 263.836đồng (làm tròn = 264.000đồng); anh Đỗ Viết H1: 854.685 đồng (làm tròn = 855.000đồng); anh Phạm Trường G: 584.110 đồng (làm tròn = 584.000đồng); anh Nguyễn Mạnh H2: 269.863 đồng (làm tròn = 270.000đồng);

- Đối với 01 tập giấy bán xe (09 tờ) in sẵn nội dung tên người bán xe, nội dung còn lại không ghi thông tin gì và 01 quyển sổ màu hồng kích thước 15x21cm ngoài bìa có ghi chữ “Sổ xe 2023” được chuyển theo hồ sơ vụ án, xét thấy không cần thiết phải tiêu hủy, do đó, lưu trong hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[10] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

3. Về vật chứng, đồ vật, tài sản thu giữ và biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1 Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim số thuê bao 0965.433.123.

(Chi tiết đặc điểm vật chứng, đồ vật, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-3-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái).

3.2 Tịch thu nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 152.200.000đồng (một trăm năm mươi hai triệu nghìn hai trăm đồng) tiền gốc của N như sau:

+ Số tiền 46.600.000đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền gốc (những người vay đã nộp cho cơ quan điều tra).

+ Số tiền 64.200.000đồng (sáu mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng) và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được của người vay là 3.799.560đồng (ba triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi đồng).

+ Tịch thu số tiền gốc 41.400.000đồng từ những người vay chưa trả cho bị cáo: Tịch thu của anh Giàng A N1 số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng), của anh Nguyễn Trường G1 số tiền 8.000.000đồng (tám triệu đồng), của anh Vũ Hoàng T4 Chinh số tiền 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng), của anh Nguyễn Quang H số tiền 2.400.000đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), của anh Nguyễn Văn S số tiền 6.000.000đồng (sáu triệu đồng).

3.3 Buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính là 34.420.440đồng cho những người vay gồm: Anh Giàng A N1 số tiền 9.183.000đ (chín triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng), anh Ngô Huy T2 số tiền 1.412.000đồng (một triệu bốn trăm mười hai nghìn), anh Vũ Hoàng T4 Chinh số tiền 13.641.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng), anh Nguyễn Quang H số tiền 2.060.000đồng (hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), anh Nguyễn Văn S số tiền 5.321.000đồng (năm triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng), anh Đặng Thế A số tiền 830.000đồng (tám trăm ba mươi nghìn đồng), anh Nguyễn Quang T3 số tiền 264.000đồng (hai trăm sáu mươi tư nghìn đồng), anh Đỗ Việt H1 số tiền 855.000đồng (tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng), anh Phạm Trường G số tiền 584.000đồng (năm trăm tám mươi tư nghìn đồng), anh Nguyễn Mạnh H2 số tiền 270.000đồng (hai trăm bảy mươi nghìn đồng);

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.4 Lưu hồ sơ vụ án: 01 tập giấy bán xe (09 tờ) và 01 quyển sổ màu hồng kích thước 15x21cm ngoài bìa có ghi chữ “Sổ xe 2023”.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- Công an TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQ;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Độ